

Số: /2025/TT-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định về thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/1/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định, đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản (sau đây gọi là Cơ sở) theo quy định của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu có yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam để lập, đăng ký, bổ sung vào danh sách cơ sở được phép xuất khẩu (sau đây gọi là Danh sách xuất khẩu); Hoạt động kiểm tra, giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở trong Danh sách xuất khẩu.

2. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp chứng nhận an toàn thực phẩm, chứng nhận kiểm dịch hoặc giấy chứng nhận, xác nhận khác (sau đây gọi là Chứng thư) có liên quan đối với lô hàng thực phẩm thủy sản, thực phẩm phối chế, hỗn hợp nhiều thành phần có nguyên liệu thủy sản đăng ký xuất khẩu vào các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng thư theo mẫu quy định của nước nhập khẩu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm ATTP, còn hiệu lực theo quy định của Luật An toàn thực phẩm, các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định của Chính phủ, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT) và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư này);

b) Cơ sở có Giấy chứng nhận khác theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (sau đây gọi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) còn hiệu lực và Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định này;

c) Lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản, thực phẩm hỗn hợp nhiều thành phần có nguyên liệu thủy sản xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu cấp Chứng thư bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam theo mẫu quy định của thị trường nhập khẩu;

Đối với lô hàng thực phẩm thủy sản và sản phẩm thủy sản, thực phẩm hỗn hợp nhiều thành phần có nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường nhập khẩu có yêu cầu chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan cấp Chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này thực hiện đồng thời hoạt động thẩm định chứng nhận an toàn thực phẩm và kiểm dịch.

2. Các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này:

- a) Cơ sở không thuộc đối tượng nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;
- b) Thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

- 1. *Cơ sở sản xuất thực phẩm thủy sản độc lập*: là Cơ sở có đầy đủ cơ sở vật

chất, trang thiết bị để thực hiện hoàn chỉnh quy trình sản xuất riêng biệt từ công đoạn tiếp nhận nguyên liệu cho đến công đoạn bao gói hoàn chỉnh và bảo quản thành phẩm; có đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng riêng với ít nhất 03 (ba) nhân viên thực hiện kiểm soát ATTP trong quá trình sản xuất và ít nhất 01 (một) nhân viên hoàn thành khóa đào tạo về quản lý ATTP theo nguyên tắc Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn - HACCP (sau đây gọi là nguyên tắc HACCP).

2. *Lô hàng sản xuất*: là một lượng sản phẩm được sản xuất từ một hay nhiều lô nguyên liệu thủy sản có đủ thông tin về nguồn gốc xuất xứ, theo cùng một quy trình công nghệ, cùng điều kiện sản xuất và các yếu tố tác động đến điều kiện bảo đảm ATTP trong thời gian không quá 24 giờ sản xuất liên tục tại một Cơ sở.

3. *Lô hàng xuất khẩu*: là lượng hàng được chủ hàng đăng ký thẩm định, chứng nhận để xuất khẩu một lần cho một nhà nhập khẩu trên một phương tiện vận chuyển.

4. *Nhóm thực phẩm thủy sản tương tự*: là những thực phẩm thủy sản có cùng mức nguy cơ về ATTP, được sản xuất theo quy trình công nghệ cơ bản giống nhau hoặc có thể khác nhau tại một số công đoạn nhưng không phát sinh các mối nguy đáng kể về ATTP tại một Cơ sở.

5. *Sản xuất thực phẩm thủy sản*: là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động nuôi trồng, khai thác, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản để tạo ra thực phẩm thủy sản.

6. *Thực phẩm thủy sản*: là sản phẩm thủy sản mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản.

7. *Thực phẩm thủy sản ăn liền*: là sản phẩm thủy sản có thể sử dụng trực tiếp cho người mà không phải xử lý đặc biệt trước khi ăn.

8. *Lô hàng sản phẩm mẫu*: là lô hàng được xuất khẩu với mục đích để giới thiệu sản phẩm, trưng bày hội chợ, triển lãm, nghiên cứu, không đưa ra tiêu thụ với mục đích thương mại dùng làm thực phẩm và có khối lượng tổng cộng đăng ký, cấp chứng thư xuất khẩu không quá 50 kg.

9. *Thẩm định*: là hoạt động xem xét, đánh giá tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở để đánh giá quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm thủy sản để xuất khẩu theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu có yêu cầu.

10. *Thị trường nhập khẩu có yêu cầu tương đương*: là thị trường có yêu cầu Cơ quan thẩm quyền Việt Nam lập, cập nhật danh sách các cơ sở đáp ứng quy định của Việt Nam để công nhận hoặc/và thẩm định, cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản trước khi xuất khẩu theo mẫu quy định.

11. *Thị trường nhập khẩu có yêu cầu đặc thù*: là thị trường có yêu cầu cụ thể với kiểm soát ATTP đối với toàn bộ chuỗi sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản tại nước xuất khẩu. Các thị trường có yêu cầu đặc thù được nêu cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Căn cứ thẩm định để lập Danh sách xuất khẩu, chứng nhận lô hàng xuất khẩu

Căn cứ thẩm định để lập Danh sách xuất khẩu, cấp chứng thư cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu, kiểm tra, giám sát việc duy trì điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở trong Danh sách xuất khẩu theo quy định tại Điều 41, 42 của Luật An toàn thực phẩm; các quy định, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quy định về ATTP và nguồn gốc xuất xứ thủy sản của thị trường nhập khẩu.

Điều 5. Cơ quan thẩm định, chứng nhận

1. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc (sau đây gọi là Cơ quan thẩm quyền) được phân công theo khu vực phụ trách (Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ) thực hiện:

a) Thẩm định hồ sơ, đánh giá điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở có nhu cầu tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu theo quy định của Việt Nam và thị trường đăng ký xuất khẩu của cơ sở; Quản lý danh sách xuất khẩu bao gồm việc lập, bổ sung, sửa đổi, xóa tên cơ sở theo quy định để gửi Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận;

b) Kiểm tra việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở trong Danh sách xuất khẩu theo quy định của Luật An toàn thực phẩm và quy định của thị trường nhập khẩu tương ứng.

2. Các Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1, 2, 3, 4, 5, 6 (sau đây gọi là Cơ quan cấp chứng thư) thực hiện thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản, thực phẩm hỗn hợp nhiều thành phần có nguyên liệu thủy sản xuất khẩu; giám sát ATTP sau thẩm định, chứng nhận.

Điều 6. Yêu cầu đối với kiểm tra viên, thành viên Đoàn thẩm định, kiểm tra việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP

1. Yêu cầu đối với kiểm tra viên

a) Trung thực, khách quan, không có xung đột lợi ích với cơ sở được kiểm tra, giám sát, thẩm định;

b) Nắm vững hệ thống các quy định pháp luật về chất lượng, ATTP của Việt Nam và các thị trường nhập khẩu có yêu cầu;

c) Đã tham gia khóa đào tạo hoặc tập huấn về-nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định phù hợp trong lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Yêu cầu đối Trưởng đoàn

a) Đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kiểm tra, thẩm định và đã tham gia kiểm tra/thẩm định ít nhất 05 (năm) cơ sở trong lĩnh vực kiểm tra, thẩm định về chất lượng, an toàn thực phẩm.

3. Yêu cầu đối với người lấy mẫu

Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về lấy mẫu hoặc có chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo hoặc tập huấn có nội dung về lấy mẫu thực phẩm.

Điều 7. Yêu cầu đối với trang thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm tra, thẩm định tại hiện trường

1. Chuyên dụng, có ghi nhãn để nhận diện mục đích sử dụng;
2. Trong tình trạng hoạt động và bảo trì tốt; được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định; bảo đảm không là nguồn lây nhiễm.

Điều 8. Yêu cầu đối với cơ sở kiểm nghiệm

Các cơ sở kiểm nghiệm tham gia hoạt động phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về chất lượng, ATTP theo quy định tại Thông tư này phải được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Phí và lệ phí

Việc thu phí, lệ phí thẩm định việc đáp ứng điều kiện ATTP đối với cơ sở để lập, bổ sung Danh sách xuất khẩu; thẩm định và cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH CHỨNG NHẬN THUỶ SẢN XUẤT KHẨU

Điều 10. Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu

1. Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu bao gồm: hoạt động thẩm định để lập, đăng ký, bổ sung Cơ sở vào Danh sách xuất khẩu và thẩm định, cấp Chứng thư cho thực phẩm thủy sản xuất khẩu vào các quốc gia, vùng lãnh thổ theo yêu cầu thị trường nhập khẩu. Danh mục quốc gia, vùng lãnh thổ nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu là tự nguyện, các Cơ sở có nhu cầu xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện việc đăng ký để lập, bổ sung vào Danh sách xuất khẩu; thẩm định, cấp chứng thư với Cơ quan quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Các Cơ sở tham gia Chương trình phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- a) Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của Việt Nam;
- b) Quy định, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm ATTP, truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn của nước nhập khẩu tương ứng;
- c) Các quy định thị trường đặc thù nêu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp cơ sở có nhu cầu xuất khẩu vào các thị trường này.

4. Trong trường hợp có yêu cầu mới của thị trường nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và

Môi trường cập nhật Danh mục thị trường, quy định, yêu cầu mới của các thị trường nêu tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy định của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu, đồng thời thông báo, hướng dẫn đến các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

Mục 1

ĐĂNG KÝ, THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO ATTP

Điều 11. Đối tượng đăng ký, bổ sung Danh sách xuất khẩu

1. Cơ sở nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này có nhu cầu đăng ký xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu tương đương.
2. Cơ sở điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này đăng ký xuất khẩu vào ít nhất một trong số các thị trường có yêu cầu đặc thù.
3. Cơ sở nêu tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư này có nhu cầu đăng ký bổ sung vào Danh sách xuất khẩu.
4. Cơ sở đang có tên trong Danh sách xuất khẩu nhưng có nhu cầu đăng ký bổ sung thị trường có yêu cầu đặc thù hoặc có thay đổi về điều kiện đảm bảo chất lượng, ATTP (bao gồm mở rộng, thu hẹp mặt bằng sản xuất; bổ sung nhóm sản phẩm mới) so với phạm vi đã được thẩm định, chứng nhận trước đó. Danh mục nhóm sản phẩm thủy sản quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Cơ sở đang có tên trong Danh sách xuất khẩu, đã hoàn thành việc xây dựng, phê duyệt và áp dụng Chương trình quản lý chất lượng theo nguyên tắc HACCP đối với sản phẩm mới thuộc nhóm sản phẩm thủy sản đã được thẩm định, chứng nhận được thực hiện đăng ký xuất khẩu. Cơ quan cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này có trách nhiệm đánh giá việc tuân thủ quy định về điều kiện đảm bảo ATTP trong sản xuất, chế biến sản phẩm mới của cơ sở khi thực hiện thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu, đồng thời cập nhật vào danh mục sản phẩm của cơ sở được công nhận để phục vụ quản lý.

Điều 12. Trình tự, thủ tục đăng ký, bổ sung Danh sách xuất khẩu

1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị đăng ký bổ sung Danh sách xuất khẩu tới Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ gồm: Đơn đăng ký theo mẫu số 01.ĐK Phụ lục IV; Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo mẫu số 02.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Cơ quan thẩm quyền trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc trong 01 (một) ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan thẩm quyền thẩm định hồ sơ đăng ký:

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo kết quả cho Cơ sở và nêu rõ lý do theo Mẫu số 03.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành thông báo, cơ sở phải gửi bổ sung hồ sơ hoặc thực hiện nộp lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu quá thời hạn trên không bổ sung hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này: Ban hành Thông báo xác nhận đăng ký theo Mẫu 04.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và cấp mã số (đối với Cơ sở chưa có mã số) theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời tổng hợp thông tin đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu công nhận theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

4. Đối với cơ sở quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Thông tư này, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan thẩm quyền thẩm định thành lập Đoàn thẩm định Mẫu 05.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, tổ chức thẩm định thực tế, lập Biên bản thẩm định theo Mẫu 06.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra Biên bản thẩm định (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần).

a) Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, Cơ quan thẩm quyền ban hành thông báo kết quả thẩm định, cấp mã số cho cơ sở (đối với cơ sở chưa có mã số), danh mục nhóm sản phẩm chứng nhận theo Mẫu 07.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, Cơ quan thẩm quyền ban hành văn bản thông báo kết quả không đạt theo Mẫu số 08.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và yêu cầu cơ sở thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp (bao gồm các biện pháp khắc phục đối với sản phẩm được sản xuất trong điều kiện đảm bảo ATTP không đạt yêu cầu).

Cơ sở có trách nhiệm báo cáo kết quả khắc phục, kèm theo hồ sơ, bằng chứng theo Mẫu 09.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo gửi Cơ quan có thẩm quyền để xem xét, thẩm tra.

b1) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu, Cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b2) Trường hợp, Cơ sở không có báo cáo khắc phục trong thời hạn yêu cầu hoặc báo cáo khắc phục được Đoàn thẩm định thẩm tra không đạt, Cơ quan có thẩm quyền gửi thông báo kết quả không đạt tương ứng theo quy định của thị trường cơ sở đăng ký xuất khẩu theo Mẫu 08.ĐK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Thông báo kết quả thẩm định không đạt được đồng gửi cho Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP để phối hợp quản lý, xem xét thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận ATTP theo quy định của Luật An toàn thực phẩm hoặc gửi cho tổ chức cấp Giấy chứng nhận khác đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng nêu tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP để có biện pháp xử lý theo quy định về đánh giá sự phù hợp (nếu cần).

6. Trường hợp có lấy mẫu phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình thẩm định theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, việc bổ sung Danh sách xuất khẩu được thực hiện khi có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu; hoặc sau khi Cơ sở có báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp và được Cơ quan thẩm quyền thẩm tra đạt yêu cầu đối với trường hợp mẫu kiểm nghiệm có kết quả không đạt.

Mục 2

QUẢN LÝ DANH SÁCH XUẤT KHẨU VÀ KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO ATTP CƠ SỞ TRONG DANH SÁCH

Điều 13. Lập, cập nhật và quản lý Danh sách xuất khẩu

1. Hàng tháng hoặc theo thời hạn yêu cầu của nước nhập khẩu, Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này thực hiện đăng ký, giới thiệu, xác nhận, chứng nhận điều kiện bảo đảm ATTP và lập, cập nhật (bổ sung mới, sửa đổi thông tin, xoá tên) đối với Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường tương ứng gửi Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu để đề nghị công nhận; cập nhật danh sách xuất khẩu các thị trường trên Cổng thông tin điện tử sau khi danh sách xuất khẩu được công nhận.

2. Cơ sở bị đưa ra khỏi Danh sách xuất khẩu vào thị trường tương ứng trong các trường hợp sau:

- a) Cơ sở có văn bản đề nghị rút tên khỏi Danh sách xuất khẩu;
- b) Cơ sở có kết quả thẩm định, kết quả kiểm tra ATTP không đạt yêu cầu theo quy định tương ứng tại điểm b2 khoản 5 Điều 12 và tại khoản 6 Điều 14 Thông tư này hoặc Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có văn bản đề nghị đưa tên ra khỏi danh sách xuất khẩu;
- c) Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP hết hiệu lực hoặc Cơ sở có Giấy chứng nhận khác theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hết hiệu lực;
- d) Cơ sở ngừng sản xuất, xuất khẩu từ 12 (mười hai) tháng trở lên kể từ thời

điểm có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền và không được Cơ quan thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP theo quy định tại Thông tư này.

3. Cơ sở được đưa trở lại Danh sách xuất khẩu sau khi đáp ứng điều kiện đảm bảo ATTP theo quy định của Việt Nam, thị trường nhập khẩu và thực hiện đăng ký, bổ sung Danh sách xuất khẩu vào thị trường tương ứng theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 14. Kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu

1. Cơ quan thực hiện là Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này. Hoạt động kiểm tra được thực hiện bởi Đoàn kiểm tra do Cơ quan thẩm quyền này thành lập, có trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 70 Luật An toàn thực phẩm và có sự tham gia của đại diện Cơ quan cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP của địa phương (nếu cần).

2. Đối tượng kiểm tra:

a) Các cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu đặc thù;

b) Cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu vào thị trường có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm; kiểm tra chuyên đề theo chỉ đạo của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên; khi cơ sở có liên tiếp nhiều lô hàng bị phát hiện không đảm bảo ATTP bởi cơ quan quản lý trong nước, nước nhập khẩu hoặc bởi các tổ chức quốc tế liên quan trong thời gian 01 (một) tháng; có thông tin phản ánh, khiếu nại rõ ràng của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến an toàn thực phẩm;

c) Cơ sở không khắc phục hoặc khắc phục không đạt theo quy định đối với các điểm không phù hợp tại biên bản giám sát của Cơ quan cấp chứng thư theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Thông tư này.

3. Tần suất kiểm tra: Cơ quan thẩm quyền xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm đối với các trường hợp nêu tại điểm a khoản 2 Điều này đảm bảo tần suất kiểm tra tối thiểu 01 lần/cơ sở/3 năm.

4. Hình thức kiểm tra

a) Cơ quan thẩm quyền tiến hành kiểm tra không báo trước, trừ trường hợp cơ sở phải thực hiện tổ chức sản xuất khi kiểm tra tại cơ sở, các cơ sở cung cấp nguyên liệu, bảo quản thành phẩm để đảm bảo đánh giá đầy đủ các quy định của thị trường nhập khẩu đặc thù tương ứng;

b) Hằng năm, Cơ quan thẩm quyền tổng hợp kết quả kiểm tra gửi tới Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP tại địa phương để phối hợp lập kế hoạch kiểm tra ATTP năm tiếp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật An toàn thực phẩm.

c) Cơ quan thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất đối với cơ sở nêu tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

5. Nội dung, phương pháp kiểm tra và Biên bản kiểm tra theo quy định tại Điều 12 Thông tư này. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện hành vi vi phạm phải thực hiện lập Biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính và chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

6. Xử lý kết quả kiểm tra theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này.

Chương III

THẨM ĐỊNH, CẤP CHỨNG THU

CHO THỰC PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 15. Yêu cầu đối với sản phẩm xuất khẩu

1. Được sản xuất, bảo quản tại Cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường nhập khẩu tương ứng.

2. Đáp ứng các quy định an toàn thực phẩm, ghi nhãn các thông tin bắt buộc theo quy định của thị trường nhập khẩu, không làm sai lệch bản chất của hàng hoá và không vi phạm pháp luật Việt Nam.

3. Đối với sản phẩm được sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản từ các Cơ sở khác nhau:

a) Cơ sở thực hiện công đoạn sản xuất cuối cùng (bao gói, ghi nhãn sản phẩm) hoặc/và cơ sở bảo quản có tên trong danh sách xuất khẩu theo yêu cầu thị trường nhập khẩu tương ứng;

b) Cơ sở thực hiện các công đoạn sản xuất trước đó (sơ chế, chế biến) phải đáp ứng điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của thị trường nhập khẩu. Cơ sở sản xuất trước đó phải có tên trong danh sách xuất khẩu theo yêu cầu thị trường nhập khẩu tương ứng (nếu thị trường yêu cầu);

c) Các cơ sở tham gia cung cấp nguyên liệu, vận chuyển, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, xuất khẩu lô hàng có văn bản cam kết cùng chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý của Cơ quan cấp chứng thư trong trường hợp lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo hoặc Cơ quan cấp chứng thư phát hiện vi phạm về ATTP;

d) Các Cơ sở tham gia vận chuyển, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, xuất khẩu lô hàng có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ sản xuất và kiểm soát ATTP, hồ sơ bảo quản, xuất khẩu đối với các công đoạn sản xuất do Cơ sở thực hiện, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu riêng đối với sản phẩm thủy sản sống, tươi, ướp đá, ướp lạnh dùng làm thực phẩm xuất khẩu:

a) Đáp ứng quy định nêu tại khoản 1, 2, điểm a khoản 3 Điều này;

b) Sản phẩm được nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, thu mua, sơ chế, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 20, 21 và Điều 23 Luật An toàn thực phẩm;

c) Cơ sở thực hiện công đoạn sản xuất cuối cùng tổ chức xây dựng liên kết theo chuỗi cung cấp từ nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, thu mua, sơ chế, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu đảm bảo kiểm soát về ATTP và truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT). Hệ thống tự kiểm soát chuỗi cung cấp thủy sản sống, tươi, ướp đá xuất khẩu theo hướng dẫn tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Phương thức thẩm định lô hàng thủy sản xuất khẩu

1. Việc thẩm định lô hàng thủy sản của cơ sở đăng ký xuất khẩu được thực hiện theo một trong 03 (ba) phương thức kiểm tra sau:

a) Kiểm tra chặt;

b) Kiểm tra thông thường;

c) Kiểm tra giảm.

2. Kiểm tra chặt: thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra cảm quan, ngoại quan tại hiện trường và lấy mẫu từng lô hàng xuất khẩu để kiểm nghiệm các chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu chất lượng, ATTP theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, áp dụng đối với lô hàng đăng ký xuất khẩu của:

a) Cơ sở mới được bổ sung vào danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở có lô hàng bị cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu, Cơ quan thẩm quyền Việt Nam cảnh báo không đảm bảo ATTP đối với các chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu: vi sinh vật gây bệnh; ký sinh trùng gây bệnh; tồn dư chất ô nhiễm, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; phụ gia, chất hỗ trợ chế biến; độc tố sinh học; chất gây dị ứng;

c) Cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm, thủy sản và đang trong thời gian chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Cơ sở trong danh sách xuất khẩu vào thị trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có yêu cầu kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm từng lô hàng trước khi xuất khẩu.

3. Kiểm tra thông thường: thực hiện kiểm tra hồ sơ, cảm quan, ngoại quan tại hiện trường và lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu chất lượng, ATTP theo tỷ lệ tương ứng với số lượng lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này, áp dụng đối với lô hàng đăng ký xuất khẩu của:

a) Cơ sở nêu tại điểm a khoản 2 Điều này khi có ít nhất 05 (năm) lô hàng đã xuất khẩu được kiểm tra, chứng nhận bởi Cơ quan cấp chứng thư đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ thời điểm được bổ sung vào Danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở nêu tại điểm b, c khoản 2 Điều này khi có ít nhất 05 (năm) lô hàng xuất khẩu đã xuất khẩu được kiểm tra, chứng nhận bởi Cơ quan cấp chứng thư đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ thời điểm có Thông báo hoàn thành việc báo cáo điều tra nguyên nhân và thực hiện hành động khắc phục được chấp thuận đạt yêu cầu hoặc kể từ ngày chấp hành xong Quyết định đình chỉ sản xuất hoặc biện pháp xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

c) Cơ sở trong danh sách xuất khẩu vào thị trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có yêu cầu chứng nhận các chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu được lấy mẫu ngẫu nhiên cho lô hàng trước khi xuất khẩu.

4. Kiểm tra giảm: thực hiện kiểm tra hồ sơ, cảm quan, ngoại quan tại hiện trường và lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu chất lượng, ATTP theo tỷ lệ tương ứng so với số lượng lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này, áp dụng đối với lô hàng đăng ký xuất khẩu của Cơ sở nêu tại điểm a, b khoản 3 Điều này sau khi duy trì tốt điều kiện bảo đảm ATTP trong thời gian tối thiểu 6 (sáu) tháng kể từ thời điểm được áp dụng chế độ kiểm tra thông thường.

5. Cơ quan cấp Chứng thư thực hiện lập, cập nhật và công bố danh sách cơ sở thuộc phương thức kiểm tra tương ứng trên Cổng thông tin điện tử; thông báo tới cơ sở thuộc địa bàn trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ thời điểm các Cơ sở đủ điều kiện chuyển đổi giữa các phương thức kiểm tra theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này.

Điều 17. Quy định đối với Chứng thư

1. Lô hàng xuất khẩu được cấp Chứng thư theo mẫu quy định của thị trường nhập khẩu tương ứng và chứng thư theo mẫu của quốc gia lô hàng quá cảnh, tạm nhập, tái xuất (nếu có yêu cầu) có nội dung phù hợp, thống nhất với chứng thư của thị trường nhập khẩu và/hoặc giấy chứng nhận, xác nhận khác có liên quan đến lô hàng xuất khẩu trong trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Chứng thư chỉ có giá trị đối với lô hàng được vận chuyển, bảo quản trong điều kiện không làm thay đổi nội dung đã được chứng nhận về ATTP.

3. Chứng thư có nội dung, hình thức phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập

khẩu tương ứng và được đánh số theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, chứng thư có thể kèm theo phụ lục để phục vụ chứng nhận đầy đủ các thông tin của lô hàng theo quy định.

Điều 18. Cơ sở không được cấp Chứng thư

1. Cơ quan cấp chứng thư không cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu được sản xuất tại các Cơ sở vào thị trường tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu thông báo tạm dừng nhập khẩu hoặc bị áp dụng biện pháp dừng cấp chứng thư, tạm dừng xuất khẩu theo các quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành biện pháp quản lý trên cơ sở có yêu cầu của thị trường nhập khẩu;

b) Cơ sở chưa khắc phục đầy đủ các nội dung không đạt yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định điều kiện ATTP hoặc kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP của Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này hoặc quá thời hạn theo Thông báo kết quả giám sát sau chứng nhận của Cơ quan cấp chứng thư nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này; cơ sở không tuân thủ thời hạn báo cáo điều tra nguyên nhân, khắc phục đối với lô hàng thủy sản bị cảnh báo an toàn thực phẩm của Cơ quan thẩm quyền;

c) Cơ sở đang trong thời gian bị đình chỉ sản xuất hoặc bị áp dụng biện pháp xử phạt tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ATTP hoặc đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về chất lượng, an toàn thực phẩm, thủy sản và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Cơ sở có văn bản thông báo tạm ngừng sản xuất và không còn sản phẩm được sản xuất trước thời hạn tạm ngừng sản xuất;

đ) Cơ sở bị đưa tên ra khỏi Danh sách xuất khẩu vào các thị trường tương ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

2. Cơ sở nêu tại khoản 1 Điều này tiếp tục được cấp Chứng thư khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cơ sở đã thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền hoặc Cơ quan cấp chứng thư và được thông báo kết quả kiểm tra, giám sát đạt yêu cầu;

b) Đối với Cơ sở nêu tại điểm a khoản 1 Điều này phải được Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có thông báo dỡ bỏ tạm dừng đình chỉ nhập khẩu.

Điều 19. Hình thức, nội dung thẩm định, cấp chứng thư

Căn cứ vào cơ sở dữ liệu quản lý về số lượng lô hàng xuất khẩu của Cơ sở tính đến thời điểm đăng ký thẩm định; phương thức kiểm tra áp dụng đối với cơ sở; tỷ lệ lấy mẫu kiểm nghiệm quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này, Cơ quan cấp chứng thư xác định nội dung thẩm định đối với lô hàng đăng ký theo một trong hai trường hợp sau:

1. Nội dung thẩm định đối với lô hàng chỉ thực hiện kiểm tra hồ sơ (bao gồm

lô hàng sản phẩm mẫu theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư này; lô hàng chỉ đề nghị cấp chứng nhận theo mẫu DS 2031 theo quy định tại Bảng I.2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này) và cấp chứng thư:

a) Đối chiếu thông tin hồ sơ đăng ký xuất khẩu lô hàng, lịch sử điều kiện đảm bảo ATTP của Cơ sở và các hồ sơ liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu (nếu cần);

b) Các yêu cầu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đối với lô hàng đăng ký xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu đặc thù, bao gồm cả việc giám sát ca sản xuất cá da trơn xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tại mục 4 phần C chương III Phụ lục II và theo Mẫu 07.LH Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung thẩm định đối với lô hàng có lấy kiểm nghiệm và cấp chứng thư:

a) Theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trình tự, thủ tục kiểm tra cảm quan, ngoại quan và lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP tại hiện trường quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

- Vị trí lấy mẫu: Tại kho thành phẩm; hoặc kho lạnh độc lập hoặc khu vực tập kết lô hàng tại cơ sở bao gói chờ xuất khẩu đối với thủy sản sống, tươi, ướp đá, ướp lạnh (nếu có yêu cầu);

- Chỉ tiêu chỉ định kiểm nghiệm và mức giới hạn cho phép của từng thị trường nhập khẩu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

- Biên bản thẩm định lô hàng theo Mẫu 01.LH Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, TRÌNH TỰ, NỘI DUNG THẨM ĐỊNH VÀ CẤP CHỨNG THƯ CHO LÔ HÀNG XUẤT KHẨU

Điều 20. Đăng ký thẩm định

1. Chủ hàng nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị đăng ký thẩm định cấp chứng thư tới Cơ quan cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử hoặc nộp hồ sơ, khai báo các thông tin trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu khi đăng ký trực tuyến. Hồ sơ gồm: Giấy đăng ký cấp Chứng thư theo Mẫu 02.LH Phụ lục XII; Bảng kê chi tiết lô hàng theo Mẫu 03.LH Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; cung cấp văn bản mua bán hoặc gia công hoặc uỷ thác xuất khẩu với cơ sở sản xuất, chế biến lô hàng, trong đó có cam kết cả hai bên (cơ sở sản xuất và Chủ hàng) cùng chịu trách nhiệm khi lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo trong trường hợp Chủ hàng không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng.

2. Thời hạn gửi hồ sơ đăng ký:

a) Đối với thủy sản sống, tươi ướp đá: Trong thời hạn ít nhất 01 (một) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu;

b) Đối với các sản phẩm khác: Trong thời hạn ít nhất 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm dự kiến xuất khẩu để có kết quả kiểm tra hồ sơ, xác định phương thức kiểm tra tương ứng đối với lô hàng đăng ký xuất khẩu.

3. Cơ quan cấp chứng thư trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ trong 01 (một) ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Cơ quan cấp chứng thư thực hiện xác nhận hình thức, nội dung thẩm định, cấp chứng thư theo quy định tại Điều 19 Thông tư này vào Giấy đăng ký cấp chứng thư gửi Chủ hàng và thời điểm dự kiến thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm (nếu có);

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Cơ quan cấp chứng thư xác nhận nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định và hướng dẫn Chủ hàng thực hiện 01 (một lần) bổ sung hồ sơ. Trường hợp hồ sơ sau khi bổ sung tiếp tục không đáp ứng quy định, Chủ hàng phải thực hiện đăng ký, thẩm định lại.

Điều 21. Thẩm định, cấp chứng thư

1. Trường hợp, lô hàng thuộc đối tượng chỉ kiểm tra hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này, Cơ quan cấp chứng thư thực hiện cấp chứng thư cho lô hàng trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ, hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Thông tư này, đồng thời Chủ hàng cung cấp đầy đủ các thông tin, dữ liệu liên quan đến lô hàng trước thời điểm dự kiến xuất khẩu để phục vụ việc xác nhận, chứng nhận các nội dung trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu tương ứng.

2. Trường hợp lô hàng thuộc diện lấy mẫu kiểm nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này, Cơ quan cấp chứng thư thực hiện như sau:

a) Cử kiểm tra viên thực hiện thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng không quá 01 ngày làm việc với sản phẩm tươi, ướp đá, không quá 02 ngày làm việc đối với các sản phẩm khác kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hoặc theo thời gian đã được thống nhất giữa Chủ hàng và Cơ quan cấp chứng thư; Nội dung, phương pháp thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này;

b) Cấp chứng thư cho lô hàng trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm tra hồ sơ sản xuất, cảm quan, ngoại quan đạt yêu cầu, đồng thời Chủ hàng cung cấp đầy đủ các thông tin, dữ liệu liên quan đến lô hàng trước thời điểm dự kiến xuất khẩu để phục vụ việc xác nhận, chứng nhận các nội dung trong chứng thư theo mẫu của thị trường nhập khẩu tương ứng.

Điều 22. Xử lý kết quả thẩm định, kiểm nghiệm không đáp ứng quy định bảo đảm ATTP

1. Trường hợp kết quả thẩm định lô hàng không đáp ứng quy định về hồ sơ sản xuất, nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu, chỉ tiêu cảm quan, ngoại quan: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi kết thúc thẩm định tại hiện trường, Cơ quan cấp chứng thư gửi Thông báo lô hàng không đạt theo mẫu số 04.LH Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này cho Chủ hàng.

Chủ hàng có trách nhiệm thực hiện đăng ký thẩm định lại theo quy định tại Điều 20 Thông tư này sau khi khắc phục đầy đủ, hợp lệ các nội dung không đáp ứng theo Thông báo không đạt của Cơ quan cấp chứng thư.

2. Trường hợp kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu ATTP không đáp ứng quy định:

a) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày khi có đầy đủ kết quả kiểm nghiệm, Cơ quan cấp chứng thư ban hành Thông báo lô hàng không đạt theo mẫu số 04.LH quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo Phiếu kết quả kiểm nghiệm lô hàng tới Chủ hàng, cơ sở sản xuất lô hàng và thu hồi Chứng thư đã cấp cho lô hàng (nếu có);

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết quả kiểm nghiệm được gửi cho Chủ hàng, cơ sở sản xuất lô hàng, nếu Chủ hàng, cơ sở sản xuất lô hàng có ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm nghiệm, Cơ quan cấp chứng thư thực hiện quy định tại điểm 2 mục 8 Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Cơ sở sản xuất lô hàng, Chủ hàng có trách nhiệm điều tra nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục, bao gồm cả việc triệu hồi lô hàng (nếu đã xuất khẩu), phương án, kế hoạch xử lý đối với lô hàng theo đúng thời hạn yêu cầu và lập báo cáo giải trình theo mẫu số 05.LH của Phụ lục XII kèm theo Thông tư này gửi Cơ quan cấp chứng thư.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo giải trình của Chủ hàng, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới chủ hàng, cơ sở sản xuất. Trường hợp thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả tới Cơ sở trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc thẩm tra thực tế.

Mục 3

XỬ LÝ SAU CẤP CHỨNG THƯ

Điều 23. Cấp lại Chứng thư

1. Khi Chứng thư đã cấp bị thất lạc, hư hỏng hoặc sai lỗi hành chính trong khi phát hành hoặc có thay đổi thông tin (trừ các thay đổi về định danh sản phẩm, khối lượng, quy cách sản phẩm, truy xuất nguồn gốc của lô hàng, nội dung đã thẩm định, chứng nhận về chất lượng, an toàn thực phẩm/an toàn bệnh thủy sản trong chứng thư đã cấp) hoặc có đề nghị của Cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập, tái xuất, Chủ hàng có văn bản đề nghị

cấp lại Chứng thư trong đó nêu rõ lý do gửi Cơ quan cấp chứng thư bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện hoặc qua môi trường điện tử.

2. Cơ quan cấp chứng thư cấp lại Chứng thư trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Chủ hàng hoặc có văn bản từ chối cấp lại, nêu rõ lý do gửi Chủ hàng.

3. Chứng thư cấp lại được đánh số mới theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này và có ghi chú: "Chứng thư này thay thế cho Chứng thư số ..., cấp ngày ..." hoặc ghi chú theo quy định của thị trường nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập, tái xuất.

Điều 24. Cấp chuyển tiếp Chứng thư

Trường hợp Chủ hàng có yêu cầu được cấp chuyển tiếp Chứng thư cho lô hàng, Cơ quan cấp chứng thư cấp chuyển tiếp bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Được thực hiện ngay trong ngày nhận được Chứng thư ban đầu;
2. Chứng thư cấp chuyển tiếp có nội dung chính xác với nội dung trong Chứng thư ban đầu.

Điều 25. Giám sát sau thẩm định, chứng nhận

1. Cơ quan thực hiện là Cơ quan cấp chứng thư quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

2. Hoạt động giám sát do kiểm tra viên đáp ứng yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này thực hiện;

3. Phạm vi: hoạt động giám sát kết hợp hoạt động thẩm định, chứng nhận lô hàng xuất khẩu và/hoặc thẩm tra, đánh giá hoạt động truy xuất, điều tra xác định nguyên nhân, thiết lập và thực hiện biện pháp khắc phục đối với cơ sở có sản phẩm, lô hàng bị phát hiện không bảo đảm ATTP hoặc thẩm tra, kiểm tra, giám sát chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc phối hợp làm việc với Cơ quan Hải quan (nếu cần) hoặc kết hợp các hoạt động nêu trên;

4. Nội dung giám sát theo Mẫu số 06.LH quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này

Trong quá trình giám sát nếu phát hiện hành vi vi phạm phải thực hiện lập Biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính và chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định;

5. Xử lý kết quả giám sát: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả giám sát theo Mẫu số 08.LH quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, yêu cầu Cơ sở thực hiện và báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi (nếu có) trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trường hợp, Cơ sở không có biện pháp khắc phục theo thời hạn yêu cầu hoặc kết quả khắc phục không phù hợp, Cơ quan cấp chứng thư tạm ngừng cấp chứng thư và có văn bản báo cáo Cơ

quan thẩm quyền theo khoản 1, Điều 5 Thông tư này thực hiện kiểm tra việc duy trì điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo khoản 2, Điều 14 của Thông tư này;

6. Đối với lô hàng thủy sản sống dùng làm thực phẩm xuất khẩu có xuất xứ từ các cơ sở, địa điểm sản xuất phân bố ở các tỉnh/thành phố khác nhau, các cơ quan cấp chứng thư thực hiện phối hợp triển khai hoạt động giám sát sau chứng nhận để thẩm tra sự phù hợp thông tin truy xuất nguồn gốc của lô hàng đã, đang chờ xuất khẩu; điều kiện đảm bảo ATTP của các cơ sở trong chuỗi sản xuất thuộc địa bàn phụ trách.

Điều 26. Xử lý trường hợp lô hàng bị cảnh báo, sản phẩm không bảo đảm ATTP

1. Đối với lô hàng bị cảnh báo bởi Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi có thông tin cảnh báo chính thức của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường có văn bản yêu cầu Cơ sở:

a) Thực hiện truy xuất nguồn gốc lô hàng, tổ chức điều tra xác định nguyên nhân dẫn đến lô hàng bị cảnh báo, thiết lập và thực hiện hành động khắc phục; báo cáo gửi Cơ quan cấp chứng thư theo Mẫu 05.LH Phụ lục XI kèm theo Thông tư này. Thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn (đối với trường hợp thu hồi) theo quy định của Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT;

b) Tạm dừng xuất khẩu vào các nước nhập khẩu tương ứng trong trường hợp có yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Chấp hành chế độ lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu vi phạm và chịu sự giám sát việc thực hiện hành động khắc phục bởi Cơ quan cấp chứng thư đối với từng lô hàng xuất khẩu của sản phẩm vi phạm hoặc sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm tương tự vi phạm được sản xuất tại Cơ sở cho đến khi Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này có văn bản chấp thuận báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục của Cơ sở.

2. Đối với lô hàng có kết quả kiểm tra cảm quan, ngoại quan hoặc kết quả phân tích các chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu ATTP không đáp ứng yêu cầu: Cơ quan cấp chứng thư thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư này.

3. Trường hợp lô hàng bị phát hiện dư lượng hóa chất, kháng sinh cấm:

a) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông tin vi phạm, Cơ quan cấp chứng thư trực tiếp chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý liên quan tại địa phương và Cơ sở thực hiện điều tra nguyên nhân trong toàn bộ chuỗi sản xuất, sơ chế, chế biến, xuất khẩu có liên quan đến vụ việc vi phạm;

b) Thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa phạm vi ảnh hưởng của vi phạm, lập Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính về an toàn thực

phẩm chuyên cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định (nếu có).

4. Sau khi nhận được báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục của Cơ sở, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra các nội dung báo cáo:

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Cơ quan cấp chứng thư thẩm tra báo cáo giải trình của cơ sở, có văn bản gửi Cơ sở kết quả thẩm tra trong trường hợp cần bổ sung thông tin hoặc có văn bản gửi Cơ quan thẩm quyền trong trường hợp thẩm tra báo cáo đạt yêu cầu đối với trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp thẩm tra thực tế, Cơ quan cấp chứng thư thông báo kết quả thẩm tra thực tế tới Cơ sở và báo cáo Cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc hoạt động thẩm tra thực tế.

5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Cơ quan thẩm quyền đánh giá báo cáo thẩm tra của Cơ quan cấp chứng thư và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra đến Cơ quan cấp thư và Cơ sở.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 27. Cơ sở trong Danh sách xuất khẩu

1. Trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của tất cả các tài liệu trong hồ sơ đăng ký;

b) Đăng ký với Cơ quan thẩm quyền để được thẩm định và lập Danh sách xuất khẩu và chấp hành chế độ kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP của Cơ quan thẩm quyền;

c) Bố trí người có thẩm quyền đại diện cho Cơ sở để làm việc với kiểm tra viên, đoàn kiểm tra tại Cơ sở;

d) Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan, mẫu sản phẩm để kiểm nghiệm đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của đoàn kiểm tra hoặc kiểm tra viên và chịu trách nhiệm về những thông tin, tài liệu đã cung cấp;

đ) Duy trì điều kiện bảo đảm ATTP đã được thẩm định; Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thẩm quyền trong trường hợp ngừng sản xuất hoặc có thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi hệ thống quản lý an toàn thực phẩm so với phạm vi đã được thẩm định, chứng nhận;

e) Khắc phục và có đủ bằng chứng việc khắc phục đối với các sai lỗi đã nêu trong Biên bản thẩm định, kiểm tra, Biên bản giám sát sau chứng nhận và các thông báo của Cơ quan thẩm quyền theo đúng thời hạn yêu cầu;

g) Ký tên vào Biên bản thẩm định, kiểm tra, Biên bản giám sát;

h) Nộp phí và lệ phí thẩm định, chứng nhận theo quy định tại Điều 9 Thông

tư này;

i) Khi có thay đổi thông tin về thời hạn hiệu lực hoặc phạm vi được chứng nhận trong Giấy chứng nhận ATTP theo quy định Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc có Giấy chứng nhận khác theo quy định tại điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, Cơ sở phải gửi bản sao về Cơ quan thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Thông tư này để cập nhật và quản lý thông tin kịp thời.

2. Quyền hạn:

a) Có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do) về kết quả trong Biên bản thẩm định, kiểm tra, giám sát;

b) Khiếu nại về kết luận kiểm tra đối với Cơ sở;

c) Phản ánh kịp thời cho thủ trưởng Cơ quan chủ quản về những hành vi tiêu cực của đoàn thẩm định, kiểm tra hoặc kiểm tra viên.

Điều 28. Chủ hàng hoặc cơ sở sản xuất lô hàng xuất khẩu

1. Trách nhiệm:

a) Đăng ký với Cơ quan cấp chứng thư theo quy định tại Thông tư này để được thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp phục vụ cho hoạt động thẩm định, chứng nhận cho lô hàng xuất khẩu;

b) Tuân thủ các quy định về thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của kiểm tra viên;

c) Không làm thay đổi đặc tính của sản phẩm, thành phần lô hàng, nguồn gốc xuất xứ, thông tin ghi nhãn so với nội dung đã đăng ký và được thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng;

d) Chủ động báo cáo Cơ quan cấp chứng thư khi có lô hàng bị trả về hoặc bị tiêu hủy tại nước nhập khẩu. Thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp đối với lô hàng bị trả về hoặc triệu hồi theo yêu cầu của Cơ quan cấp chứng thư;

e) Nộp phí và lệ phí thẩm định, chứng nhận theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

g) Trường hợp Chủ hàng là tổ chức, cá nhân không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lô hàng, Chủ hàng phải xây dựng và áp dụng quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm thủy sản không đảm bảo an toàn; thực hiện giám sát điều kiện bảo quản, thời gian, điều kiện vệ sinh của phương tiện và tính toàn vẹn của sản phẩm trong quá trình vận chuyển từ cơ sở chế biến, bảo quản xuất khẩu theo các quy định tại Điều 54, Điều 55 Luật An toàn thực phẩm và Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Cơ quan cấp chứng thư cung cấp các quy định liên quan đến việc

thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định của Thông tư này;

b) Bảo lưu ý kiến khác với kết quả thẩm định;

c) Khiếu nại, tố cáo về mọi hành vi vi phạm pháp luật của các kiểm tra viên, Cơ quan cấp chứng thư, phòng kiểm nghiệm và các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Điều 29. Kiểm tra viên và thành viên đoàn thẩm định, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp, căn cứ thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP đối với Cơ sở theo quy định tại Thông tư này;

b) Bảo mật các thông tin liên quan đến sản xuất, kinh doanh của Cơ sở đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, trung thực, khách quan và không phân biệt đối xử khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Không yêu cầu các nội dung ngoài quy định, gây sách nhiễu, phiền hà cho Cơ sở;

d) Chấp hành sự phân công của trưởng đoàn kiểm tra và thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra trước thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền và trước pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu, mẫu vật (nếu có) phục vụ cho công tác thẩm định, kiểm tra, đánh giá;

b) Ra vào nơi sản xuất, bảo quản, kho hàng; xem xét hồ sơ, lấy mẫu, chụp ảnh, sao chép, ghi chép các thông tin cần thiết để phục vụ thẩm định cho nhiệm vụ kiểm tra;

c) Lập biên bản, đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý trong trường hợp Cơ sở, vi phạm các quy định có liên quan đến bảo đảm ATTP;

d) Bảo lưu ý kiến cá nhân và báo cáo với thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền trong trường hợp chưa nhất trí với ý kiến kết luận của trưởng đoàn thẩm định, kiểm tra nêu tại điểm b khoản 2 Điều 31 Thông tư này.

Điều 30. Kiểm tra viên thẩm định, chứng nhận chất lượng, ATTP

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này;

b) Bảo mật các thông tin liên quan đến sản xuất, kinh doanh của Cơ sở đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, trung thực, khách quan và không phân biệt đối xử khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Không yêu cầu các nội dung ngoài quy định, gây sách nhiễu, phiền hà

cho Cơ sở;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước thủ trưởng Cơ quan cấp chứng thư và trước pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Chủ hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu, mẫu vật (nếu có) phục vụ cho công tác thẩm định, lấy mẫu phục vụ cho hoạt động chứng nhận;

b) Ra vào nơi sản xuất, bảo quản, kho hàng; xem xét hồ sơ, lấy mẫu, chụp ảnh, sao chép, ghi chép các thông tin cần thiết để phục vụ cho nhiệm vụ thẩm định;

c) Lập biên bản, đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý trong trường hợp chủ hàng, cơ sở sản xuất có vi phạm các quy định có liên quan đến chất lượng, ATTP;

d) Từ chối thực hiện thẩm định trong trường hợp chủ hàng, cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 28 Thông tư này.

Điều 31. Trưởng đoàn thẩm định, kiểm tra

1. Khi thực hiện nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định, kiểm tra có các trách nhiệm như một kiểm tra viên nêu tại khoản 1 Điều 29 Thông tư này và các trách nhiệm khác như sau:

a) Điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn thẩm định, kiểm tra để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định, kiểm tra;

b) Xử lý các ý kiến, kết quả kiểm tra của các thành viên trong đoàn thẩm định, kiểm tra và đưa ra kết luận cuối cùng tại biên bản thẩm định, kiểm tra;

c) Rà soát, ký biên bản thẩm định, kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, chịu trách nhiệm trước thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền và trước pháp luật về kết quả đã được đoàn thẩm định, kiểm tra thực hiện.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định, kiểm tra có các quyền hạn như một kiểm tra viên nêu tại khoản 2 Điều 29 Thông tư này và các quyền hạn khác như sau:

a) Đề xuất với thủ trưởng Cơ quan thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh thành viên đoàn thẩm định, kiểm tra để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định, kiểm tra;

b) Đưa ra kết luận cuối cùng của đoàn kiểm tra về kết quả kiểm tra.

Điều 32. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc

1. Trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm tra hồ sơ đăng ký, thẩm định việc đáp ứng điều kiện ATTP theo quy định thị trường đăng ký và lập Danh sách xuất khẩu theo khu vực phân

công quản lý; kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP đối với cơ sở trong danh sách theo qui định của thị trường nhập khẩu;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên về thẩm tra hồ sơ, kiểm tra điều kiện ATTP để bổ sung Danh sách xuất khẩu, thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

c) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ có liên quan đến kết quả thẩm tra hồ sơ, kiểm tra để bổ sung Danh sách xuất khẩu, kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP của cơ sở trong danh sách xuất khẩu theo qui định thị trường; cung cấp hồ sơ, báo cáo đầy đủ và chính xác về các vấn đề liên quan đến hoạt động thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu;

đ) Bảo mật thông tin liên quan đến bí mật sản xuất, kinh doanh của các Cơ sở được lập Danh sách xuất khẩu;

e) Công bố, đăng ký, giới thiệu và cập nhật Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường theo quy định tại Thông tư này;

g) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường cập nhật Danh mục các thị trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có yêu cầu Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường đăng ký, lập danh sách và thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này;

h) Cập nhật các quy định của nước nhập khẩu về điều kiện bảo đảm ATTP thủy sản thông báo đến các Cơ sở, Chủ hàng, các cơ quan, tổ chức có liên quan để thống nhất áp dụng;

i) Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về phí và lệ phí cho hoạt động thẩm định, kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP của cơ sở trong danh sách xuất khẩu. Trường hợp chưa có quy định về phí và lệ phí, chủ trì xây dựng kế hoạch thẩm định, kiểm tra hàng năm, kèm theo dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai kịp thời cho hoạt động thẩm định, kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP của các cơ sở trong danh sách xuất khẩu;

k) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường cập nhật danh mục chỉ tiêu chỉ định kiểm tra đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu quy định tại Phụ lục VIII Thông tư này dựa trên căn cứ kết quả đánh giá nguy cơ an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thủy sản xuất khẩu và quy định của các thị trường nhập khẩu;

l) Thông báo kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm duy trì điều kiện đảm bảo ATTP của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu hàng năm cho Cơ quan cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP của địa phương.

2. Quyền hạn:

a) Kiểm tra việc đáp ứng điều kiện ATTP đối với cơ sở để lập Danh sách xuất khẩu theo yêu cầu của các thị trường; xử lý đối với các trường hợp Cơ sở vi

phạm quy định tại Thông tư này theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu Cơ sở được thẩm định bố trí sản xuất thực tế đối với ít nhất một trong các sản phẩm đăng ký kiểm tra với quy trình đầy đủ hoặc sản phẩm rủi ro cao phục vụ hoạt động kiểm tra; yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục các điểm chưa phù hợp về điều kiện bảo đảm ATTP đã nêu trong biên bản kiểm tra; yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục đối với kết quả kiểm nghiệm chỉ tiêu vi phạm về ATTP theo quy định tại Thông tư này;

c) Thông báo đưa ra khỏi Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường tương ứng, áp dụng biện pháp tạm dừng cấp Chứng thư đối với Cơ sở không đủ điều kiện bảo đảm ATTP quy định tại Thông tư này;

d) Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền liên quan đề xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Các Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng

1. Trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu theo địa bàn được phân công;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên về thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

c) Thực hiện giám sát lô hàng xuất khẩu sau thẩm định, chứng nhận của cơ sở trong Danh sách xuất khẩu vào các thị trường;

d) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ có liên quan đến hoạt động giám sát, kết quả thẩm xét hồ sơ, thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu của các Cơ sở đúng quy định; cung cấp hồ sơ, báo cáo đầy đủ và chính xác về các vấn đề liên quan đến hoạt động thẩm định, cấp chứng thư xuất khẩu cho lô hàng thủy sản xuất khẩu khi Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các Chi cục trực thuộc Cục yêu cầu;

đ) Chịu trách nhiệm về kết quả giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP và thẩm định, cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;

e) Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại của Chủ hàng đối với việc thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu theo quy định;

g) Bảo mật thông tin liên quan đến bí mật sản xuất, kinh doanh của các Cơ sở được thẩm định, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu;

h) Quản lý, lập, cập nhật các phương thức kiểm tra lô hàng theo quy định tại Thông tư này;

i) Báo cáo Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao quy định tại Thông tư này;

2. Quyền hạn:

a) Thẩm định, cấp, thu hồi, cấp lại Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này; từ chối việc thẩm định, cấp Chứng thư trong trường hợp Chủ hàng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định nêu tại khoản 1 Điều 28 Thông tư này;

b) Yêu cầu Cơ sở được thẩm định thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp, sai lỗi về điều kiện bảo đảm ATTP đã nêu trong biên bản thẩm định, biên bản giám sát; thực hiện điều tra nguyên nhân, thiết lập biện pháp khắc phục và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khắc phục khi Cơ quan cấp chứng thư và Cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu cảnh báo vi phạm về ATTP theo quy định tại Thông tư này;

c) Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền liên quan xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở An toàn thực phẩm, Ban Quản lý An toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Tổ chức, chỉ đạo việc thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP của cơ sở xuất khẩu thủy sản trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở theo quy định, ngoại trừ các cơ sở đã được Cơ quan thẩm quyền nêu tại khoản 1, Điều 5 Thông tư này kiểm tra việc duy trì điều kiện ATTP theo Điều 14 của Thông tư này.

2. Định kỳ báo cáo về Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường hoặc các Chi cục theo địa bàn về kết quả thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP và kết quả kiểm tra theo kế hoạch đối với các cơ sở trên địa bàn tỉnh, bao gồm thông tin tên cơ sở, địa chỉ, sản phẩm được chứng nhận, Giấy chứng nhận ATTP, kết quả thẩm định, kết quả kiểm tra theo kế hoạch đối với các Cơ sở trên địa bàn tỉnh.

3. Báo cáo ngay về Cơ quan thẩm quyền theo khoản 1, Điều 5 Thông tư này theo địa bàn quản lý các trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có tên trong Danh sách xuất khẩu có kết quả thẩm định không đạt và phải thu hồi Giấy chứng nhận ATTP đã cấp trước đó.

4. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan phối hợp với Cơ quan cấp chứng thư trong hoạt động truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm thủy sản không bảo đảm an toàn đối với các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu có sản phẩm vi phạm về ATTP.

5. Cập nhật thông tin cảnh báo, biện pháp khắc phục, việc thu hồi, xử lý sản phẩm bị cảnh báo, trả về (nếu có) của các cơ sở trong Danh sách xuất khẩu để kiểm tra đánh giá các nội dung có liên quan trong quá trình thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP và giám sát ATTP tại cơ sở.

Điều 35. Cơ sở kiểm nghiệm

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng quy trình kiểm nghiệm, đảm bảo năng lực thiết bị kiểm nghiệm, bảo mật thông tin của Chủ hàng và kết quả kiểm nghiệm theo quy định

của pháp luật;

- b) Đảm bảo kết quả kiểm nghiệm chính xác, khách quan, trung thực;
- c) Chỉ thông báo kết quả kiểm nghiệm cho Cơ quan cấp chứng thư và phải đáp ứng thời gian quy định;
- d) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm;
- đ) Tham gia vào các chương trình thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- e) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kiểm nghiệm đúng quy định và xuất trình khi Cơ quan thẩm quyền yêu cầu.

2. Quyền hạn:

- a) Từ chối các mẫu không đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Từ chối kiểm nghiệm đối với các mẫu, chỉ tiêu ngoài phạm vi được chứng nhận, chỉ định;
- b) Được cung cấp các thông tin và tạo điều kiện về đào tạo nhằm nâng cao năng lực kiểm nghiệm;
- c) Thu phí, lệ phí kiểm nghiệm theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2026.
2. Các Thông tư, Quyết định dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:
 - a) Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu;
 - b) Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - c) Điều 12 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;
 - d) Quyết định số 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chỉ tiêu kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu;
 - đ) Quyết định số 1471/QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Bộ

trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi danh mục chỉ tiêu hoá học chỉ định kiểm nghiệm đối với lô hàng thuỷ sản xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

e) Quyết định số 1802/QĐ-BNN-QLCL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm cá và sản phẩm cá bộ Siluriformes xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ;

g) Quyết định số 5523/QĐ-BNN-CCPT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm thuỷ sản và sản phẩm thuỷ sản xuất khẩu sang thị trường Liên minh Châu Âu (EU).

Điều 37. Quy định chuyển tiếp

1. Các cơ sở được lập Danh sách xuất khẩu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục duy trì trong Danh sách xuất khẩu và áp dụng các quy định tại Thông tư này.

2. Sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, các cơ sở đang trong Danh sách ưu tiên hạng 1, hạng 2 theo quy định của Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT:

a) Cơ sở trong danh sách ưu tiên Hạng 1 đủ thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng sẽ được chuyển sang Danh sách kiểm tra giám quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư này;

b) Cơ sở trong danh sách ưu tiên Hạng 2 hoặc đang trong danh sách ưu tiên hạng 1 nhưng chưa đủ điều kiện được chuyển sang danh sách kiểm tra giám theo điểm a khoản 2 Điều này sẽ được chuyển sang Danh sách kiểm tra thông thường quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này;

3. Trường hợp lô hàng có yêu cầu cấp chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu của nước nhập khẩu, nội dung thẩm định theo mẫu của thị trường nhập khẩu và các quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Các tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

5. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

2. Các Thủ trưởng cơ quan thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC- Bộ Tư pháp;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo Chính phủ; Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CCPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam